

Số: 342/2020/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Đề án “Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động
và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh
Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực
lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về
tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày
15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều
của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao,
diễn tập cho Dân quân tự vệ; Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm
2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng
vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật
của Dân quân tự vệ; Thông tư 78/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn cơ bản bộ
binh; mức tiền ăn binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn
thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ và chế độ bồi dưỡng hàng năm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4 năm
2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và
bố trí sử dụng đối với Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã,
phường, thị trấn;*

*Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Hòa Bình về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phê
chuẩn Đề án “Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính
sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025”; Báo*

cáo thẩm tra của Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Đề án “Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2021 - 2025”.

(Có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.//✓

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu : VT, TH (V01).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

ĐỀ ÁN

**Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách
cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 342/2020/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây
dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ
về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; Thông tư số 69/2020/TT-BQP
ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số
điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội
thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ; Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6
năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý, sử
dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện
kỹ thuật của Dân quân tự vệ; Thông tư 78/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm
2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn
cơ bản bộ binh; mức tiền ăn binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự
quốc tế; ăn thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ và chế độ bồi dưỡng hàng năm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4
năm 2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi
dưỡng và bố trí sử dụng đối với Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân
sự xã, phường, thị trấn.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Dân quân tự vệ (DQTV) là lực lượng vũ trang quân chúng không thoát ly
sản xuất, công tác; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản
của Nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương, cơ sở; sẵn sàng chiến đấu,
chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa
phương, cơ sở khi có chiến tranh; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân,
khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật

tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Những năm qua, thực hiện Đề án *"Tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016 - 2020"*, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đã quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đăng ký, quản lý nắm chắc số lượng, chất lượng DQTV rộng rãi, xây dựng DQTV nòng cốt có số lượng hợp lý, bảo đảm rộng khắp. Chất lượng cán bộ dân quân cơ động, dân quân binh chủng từng bước được nâng lên, chế độ, chính sách của cán bộ, chiến sĩ DQTV luôn được bảo đảm, thống nhất, đúng luật định. Cùng với lực lượng Công an và các lực lượng khác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, hoàn thành tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng DQTV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Thực hiện Kết luận số 41-KL/TW ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 16 CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật DQTV trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Phát huy kết quả thực hiện Đề án *"Tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020"*. Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang (LLVT) tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình xây dựng Đề án *"Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025"*, nhằm tổ chức xây dựng lực lượng DQTV toàn tỉnh vững mạnh, rộng khắp gắn với xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng ở địa phương, cơ sở trong tình hình mới.

Phần I

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ TỪ NĂM 2016 - 2020

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. TỔ CHỨC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Công tác xây dựng lực lượng

Thực hiện xây dựng lực lượng DQTV với phương châm vững mạnh, rộng khắp, ở đâu có dân, có tổ chức Đảng là ở đó có DQTV. Đến nay 100% các thôn, bản, tổ dân phố trong toàn tỉnh có tổ chức lực lượng Dân quân; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức lực lượng tự vệ theo đúng quy định của Luật DQTV. Tỷ lệ xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ trong giai đoạn 2016 - 2020 trung bình đạt 1,79% so với tổng dân số, cán bộ, công nhân viên, người lao động toàn tỉnh.

Chất lượng DQTV: Tỷ lệ Đảng viên đạt 23,8%; Tỷ lệ Đoàn viên đạt

65,9%; Tỷ lệ phục viên xuất ngũ đạt 15,5%; Tỷ lệ nữ đạt 10,8% so với tổng số DQTV toàn tỉnh.

a) Lực lượng Dân quân

Toàn tỉnh đã xây dựng lực lượng Dân quân ở 100% xã, phường, thị trấn được tổ chức biên chế cấp trung đội, tiểu đội, khẩu đội và tổ. Trong đó lực lượng Dân quân cơ động chiếm 29,60%; Lực lượng Dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, y tế, hoá học chiếm 26,81%; lực lượng chiến đấu tại chỗ chiếm 43,54% (so với tổng biên chế lực lượng Dân quân); 100% thôn, bản, tổ dân phố có tổ Dân quân tại chỗ.

b) Lực lượng Tự vệ

Đã tổ chức xây dựng lực lượng Tự vệ đạt 71,78% so với tổng số cơ quan, tổ chức ở cơ sở; với tỷ lệ quân số chiếm 16,7 % so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Được tổ chức biên chế ở cấp đại đội, trung đội, tiểu đội; trong đó Tự vệ tại chỗ đạt tỷ lệ 98,22%; lực lượng tự vệ phòng không đạt tỷ lệ 1,78% (so với tổng biên chế lực lượng Tự vệ).

2. Hệ thống chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ

Đã kiện toàn 100% Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở có đủ 04 đồng chí, gồm: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Công tác quản lý Nhà nước về Dân quân tự vệ

Chính quyền các cấp đã từng bước nâng cao hiệu lực công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý Nhà nước về DQTV, hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác tổ chức xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng DQTV được ban hành sát với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị và cơ sở; công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự địa phương, Dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện nghiêm túc ở các địa phương và cơ quan, tổ chức ở cơ sở.

II. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT, HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

1. Đào tạo, tập huấn cán bộ

- Trong giai đoạn Đề án 2016-2020 tổ chức đào tạo 01 lớp Chỉ huy trưởng trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở cho 67 đồng chí quy định tại Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Kế hoạch đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn trình độ Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở gắn với hoàn thiện chương trình Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính, khóa học 2016-2018.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ: Hàng năm từ tỉnh đến huyện, thành phố đều tổ chức các lớp tập huấn cán bộ theo phân cấp. Thông qua bồi dưỡng, tập huấn cán bộ các cấp trình độ, năng lực của cán bộ được nâng cao.

2. Giáo dục chính trị - pháp luật, huấn luyện Dân quân tự vệ

Hàng năm cơ quan quân sự các cấp triển khai xây dựng kế hoạch công tác giáo dục chính trị - pháp luật, huấn luyện DQTV trình cấp trên phê duyệt. Công tác giáo dục chính trị - pháp luật, huấn luyện DQTV được triển khai, tổ chức thực hiện đúng, đủ nội dung, thời gian theo quy định. Kết thúc huấn luyện các cấp đều tổ chức hội thi, hội thao đánh giá kết quả huấn luyện. Qua các cuộc kiểm tra về công tác tổ chức, xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng DQTV đều được cấp trên đánh giá cao. Công tác phối hợp, huy động sử dụng lực lượng DQTV theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng (*nay là Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ*); Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ (*nay là Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ*) Quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biên, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng, huy động lực lượng DQTV tham gia trong diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng; diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã đúng quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. HOẠT ĐỘNG CHIẾN ĐẤU PHÒNG THỦ

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện, luyện tập theo các phương án, kế hoạch đã được xác định, làm tốt việc xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch theo đúng quy định; là lực lượng nòng cốt trong diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, phòng chống cháy rừng; tích cực làm công tác dân vận, tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, “lực lượng vũ trang tình chung sức xây dựng nông thôn mới”, mô hình “Xây dựng làng bản văn hóa Quốc phòng - An ninh” ở địa bàn đặc biệt khó khăn, ngoài ra tham gia quyên góp ủng hộ quỹ xây dựng nhà tình nghĩa, “chương trình đồng hành cùng em đến trường”. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xung kích trong phòng chống tiêu cực, không tham gia vào các tệ nạn xã hội, làm nòng cốt thực hiện các phong trào của địa phương, đơn vị. Thông qua các hoạt động, nhận thức của lực lượng DQTV đã được nâng lên, gương mẫu thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã xây dựng đầy đủ hệ thống kế hoạch chiến đấu phòng thủ. Hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung kế hoạch bảo đảm sát với tình hình thực tế, tổ chức luyện tập, diễn tập theo phương án. Lực lượng DQTV đã tích cực phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn tuần tra canh gác góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép; tích cực tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút, ma túy, mại dâm... Do đó tình hình an ninh

chính trị luôn ổn định. Ngoài ra, lực lượng DQTV còn đi đầu trong các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả bão lũ, thiên tai, phong trào xây dựng đời sống mới ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới, phòng chống dịch bệnh, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp hơn.

IV. BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Việc bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, cơ quan, tổ chức quan tâm thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Chế độ phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù cho cán bộ, trang phục cho cán bộ, chiến sỹ DQTV cơ bản bảo đảm kịp thời, đúng chế độ tiêu chuẩn; chế độ chính sách cho lực lượng DQTV khi tham gia huấn luyện, hoạt động được quan tâm đúng mức, chi trả đúng theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách, khoán kinh phí hoạt động của một số tổ chức ở cấp xã, xóm, tổ dân phố. *(nay là Nghị quyết số 298/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức phụ cấp đối với một số chức danh khác; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình).*

B. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG TỔ CHỨC XÂY DỰNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

I. Những tồn tại hạn chế

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Việc quán triệt tuyên truyền giáo dục Luật Dân quân tự vệ và các văn bản thực hiện Luật ở một số địa phương còn thiếu cụ thể, chưa sâu, phương pháp giáo dục đơn thuần, chưa phong phú, hiệu quả thấp, chưa sát với từng đối tượng.

- Công tác tham mưu tổ chức triển khai thực hiện của cơ quan quân sự địa phương các cấp có lúc chưa sát, năng lực trình độ trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn có mặt hạn chế, có thời điểm chưa chủ động phối hợp các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

- Việc bảo đảm chế độ chính sách cho Dân quân tự vệ khi tham gia huấn luyện, hoạt động có đơn vị chưa thống nhất. Nguồn ngân sách địa phương chưa bảo đảm được để chi trả phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở và cán bộ Chỉ huy đơn vị Tự vệ theo quy định của pháp luật.

- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về Dân quân tự vệ của một số địa phương, cơ quan, tổ chức và cán bộ chủ trì còn hạn chế, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát chưa được tiến hành liên tục. Một số địa phương chưa kịp thời ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác Dân quân tự vệ trong phạm vi quản lý của mình.

- Công tác xây dựng lực lượng chưa bảo đảm theo đúng Luật Dân quân tự

vệ (cấp trung đội theo Đề án giai đoạn 2016 - 2020 xây dựng quân số: 19 đồng chí, trong khi đó Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 quy định: 31 đồng chí).

2. Công tác tổ chức thực hiện

- Khả năng lực lượng Dân quân tự vệ khi tham gia xử trí các tình huống phức tạp ở địa phương còn có mặt lúng túng, thời gian huy động lực lượng có đơn vị còn chậm. Phối hợp hoạt động giữa Dân quân tự vệ với Công an, Kiểm lâm và các lực lượng khác có thời điểm chưa chặt chẽ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

- Công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ Dân quân tự vệ có lúc chưa chặt chẽ, quân số đi làm ăn xa, lao động trong các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài đăng ký, quản lý gặp khó khăn.

- Công tác giáo dục chính trị - pháp luật, huấn luyện DQTV còn có đơn vị, địa phương chưa bảo đảm thời gian, nội dung theo quy định. Có đơn vị chưa thực hiện được huấn luyện theo phân cấp, giáo viên huấn luyện các binh chủng của cấp huyện còn thiếu, chưa kết hợp lý thuyết và thực tế, xử lý các tình huống còn lúng túng.

II. Nguyên nhân

1. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nhận thức chưa đầy đủ về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; vị trí, vai trò của lực lượng DQTV trong tình hình mới. Do vậy chưa đề cao vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng DQTV.

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; năng lực tham mưu đề xuất của một số Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã nhất là Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chưa kịp thời; chủ trì phối hợp với các cơ quan Ban, ngành, đoàn thể tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương cùng cấp tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ ở một cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Luật DQTV của các cấp, các ngành chưa đồng bộ, thống nhất; kiểm tra giám sát việc chấp hành của các cơ quan chức năng duy trì có thời điểm còn hạn chế nên việc phát hiện những mặt yếu, tồn tại để đề xuất, tháo gỡ chưa kịp thời những vấn đề bất cập, tồn tại còn hạn chế.

2. Nguyên nhân khách quan

- Do điều kiện kinh tế ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng CT229, trình độ dân trí không đều, phương tiện thông tin chưa bảo đảm nên hạn chế đến việc quán triệt, tuyên truyền Luật Dân quân tự vệ. Chế độ, chính sách đối với lực lượng DQTV ở nhiều địa phương chỉ đạt hoặc thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Pháp luật, nên chưa có sức thuyết phục công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV.

- Do ảnh hưởng của kinh tế thị trường lực lượng lao động biến động, nhiều cán bộ, chiến sỹ Dân quân tự vệ đi làm ăn xa ảnh hưởng trực tiếp đến công tác xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ.

Phần II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

A. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

I. Mục tiêu

Xây dựng lực lượng DQTV vững mạnh, rộng khắp, có số lượng hợp lý, chất lượng tổng hợp ngày càng cao, lấy xây dựng chất lượng chính trị là chính; tổ chức biên chế tinh, gọn, chặt chẽ; trang bị vũ khí phù hợp; được giáo dục chính trị - pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực; hoạt động hiệu quả, bảo đảm chế độ, chính sách thống nhất, đúng quy định; khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng tin cậy của cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân, góp phần xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, làm cơ sở xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ngày càng vững chắc.

II. Yêu cầu

1. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI của Ban chấp hành Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành làm cho mọi tổ chức cá nhân trước hết là các cấp lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy chính quyền, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao nhận thức về vị trí chiến lược, nội dung cơ bản, tính cấp bách của xây dựng lực lượng DQTV trong tình hình mới. Nâng cao trách nhiệm, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, nhân dân trong xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV.

2. Thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV, xét duyệt dân chủ, công khai, tuyển chọn những người có đủ năng lực, phẩm chất chính trị kết nạp vào lực lượng DQTV, chứng nhận cho dân quân khi hoàn thành nghĩa vụ tham gia. Xây dựng DQTV theo phương châm vững mạnh, rộng khắp, thực hiện ở đâu có dân, có tổ chức Đảng ở đó có DQTV.

3. Tập trung nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn. Thực hiện nghiêm túc công tác rà soát bổ nhiệm, miễn nhiệm sử dụng cán bộ sau đào tạo đồng bộ, thống nhất các ngành, các địa phương.

4. Xây dựng lực lượng DQTV có số lượng hợp lý, chất lượng chính trị ngày càng cao. Quy mô tổ chức cân đối giữa các thành phần lực lượng, giữa số lượng và chất lượng, giữa cán bộ và chiến sỹ, phù hợp với các địa phương. Chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng DQTV ở các địa bàn quan trọng, vùng trọng điểm về quốc phòng - an ninh.

5. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, các ban, ngành, đoàn thể có trách nhiệm quan tâm bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV huấn luyện và hoạt động, gắn trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với quyền lợi của người tham gia nghĩa vụ DQTV ngày càng tốt hơn.

6. Cán bộ chiến sỹ Dân quân tự vệ cần nhận thức đầy đủ vị trí chiến lược của lực lượng Dân quân tự vệ trong tình hình mới. Đề cao trách nhiệm cá nhân hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Gắn nhiệm vụ xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, tăng cường quốc phòng và an ninh phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân ở địa phương.

B. TỔ CHỨC XÂY DỰNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

I. TỔ CHỨC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Xây dựng về tổ chức

Toàn tỉnh: Tỷ lệ DQTV đạt 1,73% so với tổng dân số.

a) Quy mô tổ chức

- Cấp tỉnh: Tổ chức 01 đại đội Tự vệ Pháo Phòng không 37mm-l và 01 đại đội DQTV Pháo binh.

- Cấp huyện: Tổ chức 01 Trung đội Dân quân cơ động; 02 Trung đội súng máy phòng không 12,7mm; 01 Trung đội ĐKZ; 01 Trung đội Cối 82mm.

- Cấp xã: Tổ chức 01 Trung đội Dân quân cơ động, 01 khẩu đội Cối 60mm, 01 tổ dân quân (Trình sát, Công binh, Thông tin, Phòng hóa, Y tế).

- Cấp thôn: Tổ chức 01 tổ dân quân tại chỗ.

- Xây dựng lực lượng Tự vệ:

+ Đối với cơ quan, tổ chức: Tổ chức từ 01 Tiểu đội đến 01 Trung đội;

+ Đối với các doanh nghiệp: Căn cứ số lượng cán bộ, người lao động của doanh nghiệp tổ chức từ 01 Tiểu đội đến 01 Trung đội.

b) Biên chế

Quân số cấp tổ, tiểu đội, khẩu đội, trung đội, đại đội thực hiện theo Phụ lục II, Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ.

c) Vũ khí, trang bị

- Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho Dân quân tự vệ thực hiện theo Điều 25, Luật Dân quân tự vệ về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho Dân quân tự vệ; Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của Dân quân tự vệ.

2. Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự và cán bộ Dân quân tự vệ

- Ban Chỉ huy quân sự cấp xã gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng và Chính trị viên phó.

+ Chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

+ Chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm.

+ Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

+ Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm.

- Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng và Chính trị viên phó.

+ Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

+ Chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp.

+ Phó Chỉ huy trưởng là cán bộ kiêm nhiệm.

+ Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm.

- Cán bộ quản lý, chỉ huy DQTV gồm: Thôn đội trưởng, Khẩu đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội trưởng.

3. Xây dựng về chính trị

- Giáo dục chính trị, tư tưởng: Thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, bảo đảm 100% cán bộ, chiến sỹ DQTV có bản lĩnh chính trị vững vàng, độ tin cậy cao thực sự là chỗ dựa vững chắc của cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân.

- Xây dựng tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên: Căn cứ tình hình cụ thể để xây dựng tổ chức đảng, đoàn trong lực lượng DQTV cho phù hợp và đạt hiệu quả thiết thực. Xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên trong lực lượng DQTV: Phần đầu đạt 25% trở lên; riêng đảng viên trong lực lượng Dân quân đạt từ 15% trở lên, hàng năm kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ít nhất đạt 1,5% trở lên so với tổng số DQTV. Nâng tỷ lệ đoàn viên trong lực lượng DQTV đạt từ 65% trở lên.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN CÁN BỘ, HUẤN LUYỆN DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đạt trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở

100% Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã qua đào tạo ngành quân sự cơ sở, trong đó có 75% đến 80% đạt trình độ cao

đăng, đại học ngành quân sự cơ sở.

2. Bồi dưỡng cán bộ DQTV

- Đối tượng: Cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chưa qua đào tạo; cán bộ chuyên trách công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

- Chương trình, nội dung, thời gian và cơ sở, tổ chức phương pháp bồi dưỡng cán bộ Dân quân tự vệ: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Tập huấn cán bộ DQTV

- Hằng năm tập huấn cán bộ được thực hiện đối với các đối tượng sau: Cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Thôn đội trưởng; cán bộ đại đội, trung đội, tiểu đội, khẩu đội DQTV; Cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm công tác quốc phòng, quân sự địa phương ở cơ quan, tổ chức;

- Chương trình, nội dung, thời gian và cơ sở, tổ chức phương pháp tập huấn cán bộ DQTV theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

4. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn

Quán triệt, thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Nghị quyết số 298/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức phụ cấp đối với một số chức danh khác; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và các văn bản có liên quan để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Huấn luyện chiến sĩ DQTV

- Thực hiện theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ.

- Tổ chức theo chương trình huấn luyện hằng năm, DQTV được giáo dục chính trị - pháp luật huấn luyện quân sự theo chương trình cơ bản của từng đối tượng phù hợp với nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.

- Thời gian huấn luyện hằng năm được quy định như sau:

- + 15 ngày đối với DQTV năm thứ nhất; trừ Dân quân thường trực;
- + 12 ngày đối với DQTV cơ động, DQTV phòng không, pháo binh, công binh, trinh sát, thông tin, phòng hóa, y tế;
- + 7 ngày đối với Dân quân tự vệ tại chỗ;

+ 60 ngày đối với dân quân thường trực;

- Chương trình, nội dung, danh mục vật chất cho huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV theo quy định của Bộ Quốc phòng.

- Ngoài nội dung huấn luyện theo quy định, căn cứ tình hình cụ thể để tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho lực lượng DQTV nhất là đội ngũ cán bộ. Nội dung bồi dưỡng, huấn luyện về tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự như sau:

+ Huấn luyện bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn tại địa phương, cơ sở.

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố, xử lý rò rỉ hóa chất độc hại, phóng xạ; tiêu độc, diệt trùng và phòng chống dịch bệnh.

6. Diễn tập, hội thi, hội thao

a) Diễn tập

- Thực hiện theo Điều 9, Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tổ chức, phương pháp và thời gian diễn tập.

- Hằng năm tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 20% đến 25% xã, phường, thị trấn. Bảo đảm trong nhiệm kỳ đại hội tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 100% xã, phường, thị trấn.

b) Hội thi, hội thao

- Thực hiện theo Điều 8, Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian hội thi, hội thao Dân quân tự vệ.

- Ngoài nội dung, thời gian theo quy định, căn cứ tình hình cụ thể, yêu cầu của cấp trên các địa phương tổ chức hội thao theo chỉ thị, kế hoạch của trên.

III. HOẠT ĐỘNG CHIẾN ĐẤU CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

Hoạt động của lực lượng DQTV thực hiện theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ.

Mọi hoạt động của DQTV trong sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các hoạt động khác phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền và sự chỉ huy trực tiếp của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở và sự chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan Quân sự cấp trên.

Hoạt động chiến đấu phòng thủ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và công

tác dân vận của lực lượng DQTV theo quy định của cấp có thẩm quyền, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hoạt động của DQTV thuộc quyền theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trình Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp trên trực tiếp phê chuẩn. Trong đó tập trung:

- Đơn vị DQTV phải duy trì nghiêm chế độ hoạt động trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

- Tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện về chính trị, phát triển về kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh vững chắc; tham gia đấu tranh phòng, chống truyền đạo trái phép.

- Lực lượng DQTV làm nòng cốt xây dựng làng, xã chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

- Tham gia phối hợp với lực lượng Công an (*theo quy chế phối hợp*) và lực lượng khác nắm tình hình, tuần tra, canh gác, bảo vệ mục tiêu, bảo vệ sản xuất, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Gương mẫu chấp hành và có trách nhiệm tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia tích cực vào xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ sở.

- Là lực lượng nòng cốt tại chỗ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; phối hợp với lực lượng khác trên địa bàn làm nhiệm vụ bảo vệ và phòng, chống cháy rừng, bảo vệ môi trường và phòng chống dịch bệnh.

- Tham gia giải quyết các tình huống về quốc phòng và an ninh xảy ra ở địa phương cơ sở như: Tranh chấp, khiếu kiện và có phần tử quá khích vi phạm pháp luật; khi có gây rối, biểu tình và khủng bố, bắt cóc con tin; khi xảy ra bạo loạn có hoặc không có vũ trang vv...

IV. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Tăng cường sự lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp về tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

Sự lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp là nhân tố quyết định thắng lợi của công tác tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, điều hành công tác xây dựng lực lượng DQTV để thống nhất nhận thức về nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương trong đó có công tác tổ chức xây dựng lực lượng DQTV trong tình hình mới.

Các cấp ủy Đảng ra nghị quyết lãnh đạo, xác định chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng DQTV trong từng quý và hàng năm.

Chính quyền các cấp tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lực

lượng DQTV ở địa phương, cơ sở. Ban hành các văn bản chỉ đạo; đưa nội dung xây dựng lực lượng DQTV vào chương trình hành động hàng năm. Các xã, phường, thị trấn bảo đảm điều kiện cần thiết cho Ban Chỉ huy quân sự làm việc như: Phòng làm việc, tủ súng để vũ khí trang bị, tủ cất giữ bảo quản công cụ hỗ trợ, các thiết bị văn phòng.v.v...

2. Phát huy vai trò của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và toàn dân tham gia xây dựng lực lượng DQTV.

Phát huy vai trò của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và toàn dân tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng lực lượng DQTV đạt hiệu quả cao:

Các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân có nhận thức đúng về nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương; cũng như vai trò tầm quan trọng của lực lượng DQTV trong xây dựng và bảo vệ địa phương. Từ đó xác định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và từng cá nhân đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng DQTV.

Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo chức năng tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp về tổ chức, biên chế, trang bị và bảo đảm cho lực lượng DQTV hoạt động phù hợp với đặc điểm, điều kiện của cơ sở.

Trực tiếp thực hiện các chủ trương, kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng DQTV. Đồng thời, phối hợp với cơ quan quân sự các cấp tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện nâng cao chất lượng và khả năng hoạt động của lực lượng DQTV trong cơ quan, đơn vị.v.v.

Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân tự giác tham gia lực lượng DQTV ở địa phương, cơ sở; đồng thời động viên, tạo điều kiện cho lực lượng DQTV hoạt động có hiệu quả.

3. Phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan quân sự các cấp.

Cơ quan quân sự các cấp có vai trò quan trọng trong xây dựng và hoạt động của lực lượng DQTV. Do vậy, phải tích cực, chủ động tham mưu để xây dựng lực lượng DQTV ở địa phương, cơ sở và ở các cơ quan, các doanh nghiệp đạt hiệu quả, cụ thể:

+ Tham mưu đề xuất cấp ủy đảng, chính quyền các cấp về chủ trương, chương trình, kế hoạch và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức xây dựng lực lượng DQTV ở địa phương, cơ sở.

+ Tham gia khảo sát, củng cố, kiện toàn tổ chức, biên chế lực lượng DQTV trong phạm vi toàn tỉnh theo Đề án.

+ Quản lý tạo nguồn và tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ, năng lực mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, chiến sỹ lực lượng DQTV.

+ Phối hợp các lực lượng, ban, ngành, đoàn thể cùng tham gia xây dựng lực lượng DQTV bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng; tạo mọi điều kiện cần thiết cho lực lượng DQTV hoạt động có hiệu quả.

+ Kịp thời tham mưu, đề xuất về tổ chức, biên chế; chế độ chính sách đối

với lực lượng DQTV cho phù hợp với từng địa phương, cơ sở và theo yêu cầu nhiệm vụ.v.v.

C. BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TRANG PHỤC CHO LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

I. CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP THƯỜNG XUYỀN ĐƯỢC HƯỞNG CỦA CÁN BỘ CHIẾN SỸ DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Chế độ tiền lương đối với Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở thực hiện chế độ tiền lương được hưởng theo ngạch bậc công chức của từng đồng chí.

2. Chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ và chế độ phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng được thực hiện theo Điều 7, Điều 8 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ.

3. Chế độ được hưởng phụ cấp thâm niên đối với Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo khoản 1, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ.

4. Chế độ được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Trung đội trưởng Dân quân cơ động thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ.

5. Chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ

* Đối với lực lượng Dân quân:

- Chế độ trợ cấp ngày công lao động của lực lượng Dân quân:

+ Đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế được trợ cấp ngày công lao động bằng 119.200 đồng; được hỗ trợ tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí nơi ăn, nơi nghỉ, bảo đảm phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về như cán bộ, công chức cấp xã và thực hiện chế độ chính

sách quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Dân quân tự vệ.

+ Đối với lực lượng Dân quân thường trực: Được trợ cấp ngày công lao động bằng 119.200 đồng và thực hiện chế độ, chính sách quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 34 Luật Dân quân tự vệ; được hưởng trợ cấp một lần khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình; được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ; được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

* Đối với lực lượng Tự vệ: Khi làm nhiệm vụ, trừ nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ chính sách theo chế độ hiện hành quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

II. BẢO ĐẢM TRANG PHỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ

Thực hiện theo Điều 6 và khoản 1, Điều 16 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

III. CHẾ ĐỘ BÁO, TẠP CHÍ

Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

IV. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KHÁC

Các chế độ chính sách khác (ngoài các quy định trên) đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng Dân quân tự vệ được thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và các Nghị định; Thông tư hướng dẫn thi hành Luật.

D. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng ngân sách 05 năm thực hiện Đề án được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước là: 507.921.134.000 đồng, trong đó: cấp tỉnh = 141.480.456.000 đồng, cấp huyện = 124.432.248.000 đồng, cấp xã = 242.008.430.000 đồng.

* Cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Bảo đảm Ban Chỉ đạo hoạt động; Tổ chức hội thi, hội thao: 3.999.034.000 đồng.

b) Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ: 51.955.704.000 đồng.

- Cấp huyện: 12.532.092.000 đồng.

- Cấp xã: 39.423.612.000 đồng.

c) Phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng: 66.245.400.000 đồng.

- Cấp xã: 66.245.400.000 đồng.

d) Phụ cấp đặc thù quốc phòng quân sự: 9.670.350.000 đồng.

Cấp xã: 9.670.350.000 đồng.

đ) Bảo đảm trang phục: 72.228.442.000 đồng.

Cấp tỉnh: 72.228.442.000 đồng.

e) Mua sắm công cụ hỗ trợ: 13.053.044.000 đồng.

Cấp tỉnh: 13.053.044.000 đồng.

f) Chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ: 22.839.488.000 đồng.

- Cấp tỉnh: 6.546.708.000 đồng.

- Cấp huyện: 16.292.780.000 đồng.

g) Chi cho công tác huấn luyện chiến sĩ dân quân: 175.347.844.000 đồng.

- Cấp tỉnh: 11.325.000.000 đồng.

- Cấp huyện: 85.305.336.000 đồng.

- Cấp xã: 78.717.508.000 đồng.

h) Chi cho hoạt động và diễn tập của lực lượng dân quân: 92.581.828.000 đồng.

- Cấp tỉnh: 34.328.228.000 đồng.

- Cấp huyện: 10.302.040.000 đồng.

- Cấp xã: 47.951.560.000 đồng.

(Có biểu khái toán chi tiết kèm theo).

2. Kinh phí được tính với mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng, khi mức lương tối thiểu thay đổi thì chế độ, chính sách tiền lương thay đổi tương ứng.

3. Về kinh phí thực hiện được kéo dài thời gian thực hiện trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021.

4. Trang phục của Dân quân tự vệ quy định tại Nghị quyết số 130/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Các chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ được quy định tại Đề án này được áp dụng thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2022.

Đ. THỜI GIAN, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giai đoạn thứ nhất: Quý I năm 2021.

- Xây dựng và hoàn chỉnh các văn bản chỉ đạo thực hiện Đề án theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức theo Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật DQTV và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể, các doanh nghiệp... tổ chức lực lượng Tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giai đoạn thứ hai: Từ tháng 4 năm 2021 đến năm 2024

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn biên chế, tổ chức lực lượng DQTV theo Đề án. Chú trọng bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ DQTV trẻ và tổ chức lực lượng Tự vệ tại các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp.v.v.

- Tổ chức học tập chính trị, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi, hội thao.v.v. nâng cao trình độ, khả năng hoạt động của lực lượng DQTV. Tập trung vào nâng cao chất lượng chính trị, năng lực hành động quản lý, chỉ huy của đội ngũ cán bộ DQTV.

- Cử cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn đi đào tạo trình độ cao đẳng, đại học chính quy và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở lên trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở theo kế hoạch của trên.

- Rà soát lại toàn bộ tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng DQTV theo Đề án để kịp thời đề nghị bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

- Chỉ đạo các huyện, thành phố và các cơ quan, đoàn thể tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm.

3. Giai đoạn thứ ba: Năm 2025

- Tiếp tục cử cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn đi đào tạo theo Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp.

- Khảo sát toàn bộ về tổ chức, biên chế, trang bị; đánh giá chất lượng hoạt động của lực lượng DQTV để chuẩn bị cho tổng kết 5 năm thực hiện Đề án.

- Tổng kết rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Đề án.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO, CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC

1. Thành lập Ban Chỉ đạo

Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án xây dựng lực lượng DQTV và bảo đảm chế độ chính sách, trang phục cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện Đề án.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của tỉnh;

Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thành phố là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp huyện;

Ban Chỉ huy Quân sự các xã, phường, thị trấn là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp xã.

II. NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ

1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Là Cơ quan chủ trì xây dựng đề án, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, chương trình hành động và tổ chức thực hiện xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ và bảo đảm chế độ chính sách, trang phục cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025 theo Đề án.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng DQTV, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Bộ Tư lệnh Quân khu 3 phê chuẩn. Triển khai chỉ đạo, hướng dẫn Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thành phố; Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Chỉ huy đơn vị Tự vệ (nơi không có Ban Chỉ huy Quân sự) lập kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả. Hằng năm hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc quy hoạch và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Nghị quyết số 298/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác DQTV ở các địa phương, cơ sở. Tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh biểu dương, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Đề án.

2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, địa phương lập kế hoạch công tác quốc phòng, kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng và kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân.

b) Sở Nội vụ: Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thống nhất về tổ chức biên chế cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, cán bộ Thôn đội trưởng và chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân ở cấp xã; Hằng năm phối hợp với các ngành có liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh khảo sát, rà soát xác định xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh; phối hợp hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức tuyển chọn cử cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã tham gia dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, đại học chính quy và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở lên trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; phối hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân

tỉnh về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhất là bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn sau đào tạo.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thực hiện chế độ chính sách đối với lực lượng DQTV khi đang thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Luật Dân quân tự vệ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh... theo quy định.

d) Sở Tài chính: Chủ trì, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng nguồn ngân sách bố trí kinh phí thực hiện Đề án. Có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán và thanh quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

đ) Các Sở, ban, ngành của tỉnh, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Tổ chức đăng ký, quản lý, xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động của các đơn vị Tự vệ thuộc quyền. Bảo đảm tiền lương các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu, xe theo chế độ hiện hành. Mua sắm trang phục của cán bộ, chiến sỹ Tự vệ. Bảo đảm cơ sở vật chất cho việc thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, quân sự, tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập và hoạt động khác theo yêu cầu nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng, chính quyền cùng cấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác quốc phòng ở địa phương, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình về công tác quốc phòng theo quy định và tổ chức quán triệt, chỉ đạo các cấp, các ngành thuộc quyền thực hiện Đề án nghiêm túc đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo Phòng Nội vụ phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã về việc quy hoạch và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn việc xét tuyển công chức đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

- Chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ, báo cáo ủy ban nhân dân trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Chỉ đạo cơ quan quân sự cấp huyện hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và trình Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phê chuẩn. Chỉ đạo các xã lập dự toán ngân sách bảo đảm cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV trên địa bàn.

- Hằng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác Quốc phòng, quân sự địa phương, công tác Dân quân tự vệ.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức xây dựng, huấn luyện và chỉ đạo hoạt động của lực lượng Dân quân thuộc quyền trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thực hiện đúng nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình quy hoạch đồng thời thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; cử đi đào tạo, bồi dưỡng, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo đúng điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền được pháp luật quy định.

- Chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự cấp xã xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ, báo cáo ủy ban nhân dân trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã lập kế hoạch xây dựng lực lượng Dân quân, lập dự toán ngân sách bảo đảm công tác quốc phòng, quân sự ở cấp xã trình Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân theo quy định và chính sách hậu phương Quân đội./.



Bùi Đức Hình

KHÁI TOÁN

Ngân sách thực hiện Đề án "Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025"

(Kèm theo Đề án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 342/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hòa Bình)

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
I	Bảo đảm Ban Chỉ đạo hoạt động; Tổ chức Hội thi, hội thao			3.999.034.000	3.999.034.000		
1	Xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về công tác Dân quân tự vệ (05 năm x 5.000.000đ). Quy định tại Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	5	5.000.000	25.000.000	25.000.000		
2	Phối hợp tuyên truyền phổ biến pháp luật về công tác Dân quân tự vệ trên Báo, Phát thanh - Truyền hình: 2.000.000đ/tháng x 12 tháng x 5 năm. Quy định tại Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	60	2.000.000	120.000.000	120.000.000		
3	Ban Chỉ đạo đi kiểm tra công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện và bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV. Theo Kế hoạch huấn luyện hàng năm của cơ quan quân sự các cấp.			633.464.000	633.464.000		
a	Xăng đi kiểm tra: 10.000.000đ/năm đi kiểm tra 10 huyện, thành phố x 05 năm	5	10.000.000	50.000.000	50.000.000		
b	Huy động lực lượng Dân quân tham gia kiểm tra (Mỗi năm kiểm tra 03 trung đội DQ cơ động cấp huyện; 20 Trung đội cấp xã x 28đ/c/trung đội)						
-	Hỗ trợ tiền ăn: 23 trung đội x 28đ/c x 5 năm x 62.000đ/người/ngày			199.640.000	199.640.000		
-	Hỗ trợ ngày công: 23 trung đội x 28đ/c x 5 năm x 119.200đ/người/ngày			383.824.000	383.824.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
4	Tổ chức hội thi cán bộ Dân quân giỏi hàng năm Theo Kế hoạch hàng năm của cơ quan quân sự các cấp.			1.935.330.000	1.935.330.000		
a	Tổ chức hội thi cán bộ Thôn đội trưởng giỏi:						
-	Bảo đảm cơ sở vật chất: 30.000.000đ/cuộc x 05 năm	5	30.000.000	150.000.000	150.000.000		
-	Hỗ trợ ngày công: 200đ/c x 05 ngày/năm x 5 năm x 119.200đ/người/ngày			596.000.000	596.000.000		
-	Hỗ trợ tiền ăn: 200đ/c x 05 ngày/năm x 5 năm x 62.000đ/người/ngày			310.000.000	310.000.000		
b	Tổ chức Hội thi cán bộ trung đội trưởng Dân quân cơ động:						
-	Bảo đảm cơ sở vật chất: 30.000.000đ/cuộc x 05 năm	5	30.000.000	150.000.000	150.000.000		
-	Hỗ trợ ngày công: 161đ/c x 05 ngày/năm x 5 năm x 119.200đ/người/ngày			479.780.000	479.780.000		
-	Hỗ trợ tiền ăn: 161đ/c x 05 ngày/năm x 5 năm x 62.000đ/người/ngày			249.550.000	249.550.000		
5	Tổ chức hội thao lực lượng Dân quân tự vệ tại tỉnh và tham gia hội thao do cấp trên tổ chức (02 lần/5 năm). Quy định tại Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.			1.285.240.000	1.285.240.000		
a	Thi tại tỉnh: Tổng số 250đ/c thời gian 05 ngày (mỗi huyện tổ chức thành 01 đoàn/25đ/c tham gia hội thao các môn)						
-	Hỗ trợ tiền ăn: 250đ/c x 62.000đ/người/ngày x 05 ngày x 02 lần			155.000.000	155.000.000		
-	Hỗ trợ ngày công: 250đ/c x 119.200đ/người/ngày x 05 ngày x 02 lần			298.000.000	298.000.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Bảo đảm trang trí khánh tiết, khen thưởng, xăng dầu.v.v.: 50.000.000đ/lần	2	50.000.000	100.000.000	100.000.000		
b	Tham gia Hội thao do cấp trên tổ chức (02 lần/5 năm)			-			
-	Hỗ trợ tiền ăn huấn luyện nâng cao tại tỉnh và tham gia hội thao 30đ/c x 45 ngày x 62.000đ/người/ngày x 02 lần			167.400.000	167.400.000		
-	Hỗ trợ ngày công huấn luyện nâng cao tại tỉnh và tham gia hội thao 30đ/c x 45 ngày x 119.200đ/người/ngày x 02 lần			321.840.000	321.840.000		
-	Hỗ trợ tiền nước uống: 30đ/c x 45 ngày x 40.000đ/người/ngày x 02 lần			108.000.000	108.000.000		
-	Tặng Giấy khen cho LL Dân quân: 30đ/c x 400.000đ/người x 02 lần			24.000.000	24.000.000		
-	Bảo đảm vật chất: 40.000.000đ/lần	2	40.000.000	80.000.000	80.000.000		
-	Bảo đảm xăng dầu đưa LL DQ đi huấn luyện và tham gia 1.000 lít/lần x 02 lần x 15.500đ/lít			31.000.000	31.000.000		
II	Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ (tính theo tháng, định mức chi cho 01 tháng; cách tính: lấy tổng số người x số tiền được hưởng theo chức vụ x 12 tháng x 05 năm). Quy định tại Điều 7, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.			51.955.704.000	-	12.532.092.000	39.423.612.000
1	Tiểu đội trưởng và tương đương: 1.004 đ/c x 149.000đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	1.004		8.975.760.000		3.871.020.000	5.104.740.000
2	Thôn đội trưởng: 1.482 đ/c x 208.600đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	1.482		18.548.712.000			18.548.712.000
3	Trung đội trưởng DQTV tại chỗ: 52đ/c x 178.800đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	52		557.856.000		557.856.000	
4	Trung đội trưởng DQTV binh chủng: 44đ/c x 178.800đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	44		472.032.000			472.032.000

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
5	Trung đội trưởng Dân quân cơ động: 161 đ/c x 298.000/tháng x 12 tháng x 5 năm	161		2.878.680.000			2.878.680.000
6	Phó Đại đội trưởng: 02 đ/c x 223.500/tháng x 12 tháng x 5 năm	2		26.820.000		26.820.000	
7	Chính trị viên phó đại đội: 02 đ/c x 223.500đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	2		26.820.000		26.820.000	
8	Đại đội trưởng: 02 đ/c x 298.000đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	2		35.760.000		35.760.000	
9	Chính trị viên đại đội: 02 đ/c x 298.000đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	2		35.760.000		35.760.000	
10	Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã: 151 đ/c x 327.800đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	151		2.969.868.000			2.969.868.000
11	Chính trị viên phó Ban CHQS cấp xã: 151 đ/c x 327.800đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	151		2.969.868.000			2.969.868.000
12	Chính trị viên Ban CHQS cấp xã: 151 đ/c x 357.600đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	151		3.239.856.000			3.239.856.000
13	Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã: 151 đ/c x 357.600đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	151		3.239.856.000			3.239.856.000
14	Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cơ quan, tổ chức: 97 đ/c x 327.800đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	97		1.907.796.000		1.907.796.000	
15	Chính trị viên phó Ban CHQS cơ quan: 97 đ/c x 327.800đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	97		1.907.796.000		1.907.796.000	
16	Chính trị viên Ban CHQS cơ quan, t.chức: 97 đ/c x 357.600đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	97		2.081.232.000		2.081.232.000	
17	Chỉ huy trưởng Ban CHQS cơ quan, t.chức: 97 đ/c x 357.600đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	97		2.081.232.000		2.081.232.000	

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
III	Phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng (Theo định mức 01 tháng x 12 tháng x 5 năm x tổng quân số). Quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.			66.245.400.000		-	66.245.400.000
1	Thôn đội trưởng: 1.482đ/c x 745.000đ/tháng x 12 tháng x 5 năm	1.482		66.245.400.000			66.245.400.000
IV	Phụ cấp đặc thù quốc phòng quân sự (tính theo định mức 01 tháng x 12 tháng x 5 năm x tổng quân số). Quy định tại Điều 9 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.			9.670.350.000	-	-	9.670.350.000
-	Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã: Mức phụ cấp trách nhiệm = (1.490.000đ + 327.800) + (phụ cấp thâm niên nếu có) x 50% x 151đ/c x 12 tháng x 5 năm	151		8.231.010.000			8.231.010.000
-	Trung đội trưởng Dân quân cơ động : Mức phụ cấp trách nhiệm = (298.000đ x 50%) x 161đ/c x 12 tháng x 5 năm	161		1.439.340.000			1.439.340.000
V	Bảo đảm trang phục. Quy định tại Điều 6, Điều 16 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.			72.228.442.000	72.228.442.000		
1	Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	302	7.889.000	2.382.478.000	2.382.478.000		
2	Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban CHQS cấp xã (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	302	5.725.000	1.728.950.000	1.728.950.000		
3	Trung đội trưởng DQ cơ động (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	161	7.889.000	1.270.129.000	1.270.129.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
4	Cán bộ Đại đội, Trung đội DQ binh chủng (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	46	5.725.000	263.350.000	263.350.000		
5	Thôn đội trưởng (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	1.482	5.725.000	8.484.450.000	8.484.450.000		
6	Tiểu đội trưởng và chiến sĩ DQ cơ động (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	4.347	4.679.000	20.339.613.000	20.339.613.000		
7	Tiểu đội trưởng và chiến sĩ DQ tại chỗ (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	4.446	3.494.000	15.534.324.000	15.534.324.000		
8	Tiểu đội trưởng và chiến sĩ DQ binh chủng (Có bảng tổng hợp giá thành trang phục được hưởng giai đoạn 2022-2025 kèm theo)	3.642	3.494.000	12.725.148.000	12.725.148.000		
	Tổng cộng:			62.728.442.000	62.728.442.000		
*	Kinh phí đảm bảo mua sắm trang phục năm 2021 theo Nghị định 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ:			9.500.000.000	9.500.000.000		
	Tổng số mua sắm trang phục Dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2025 theo Đề án:			72.228.442.000	72.228.442.000		
VI	Mua công cụ hỗ trợ trang bị cho dân quân tự vệ. Quy định tại Điều 25 Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019; Điều 11 Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng.			13.053.044.000	13.053.044.000		
1	Áo giáp: 02 chiếc/xã x 151 xã x 2.200.000đ/chiếc	302	2.200.000	664.400.000	664.400.000		
2	Mũ bảo hiểm: 02 chiếc/xã x 151 xã x 1.980.000đ/chiếc	302	1.982.000	598.564.000	598.564.000		
3	Lá chắn: 02 chiếc/xã x 151 xã x 8.250.000đ/chiếc	302	8.250.000	2.491.500.000	2.491.500.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
4	Dùi cui điện Titan: 01 chiếc/xã x 151 xã x 8.250.000đ/chiếc	151	8.250.000	1.245.750.000	1.245.750.000		
5	Dùi cui cao su: 05 chiếc/xã x 151 xã x 176.000đ/chiếc	755	176.000	132.880.000	132.880.000		
6	Bình xịt hơi cay: 02 chiếc/xã x 151 xã x 8.250.000đ/bình	302	3.300.000	996.600.000	996.600.000		
7	Găng tay bắt dao: 01 đôi/xã x 151 xã x 9.200.000đ/đôi	151	9.200.000	1.389.200.000	1.389.200.000		
8	Súng bắn đạn cao su: 01 khẩu/xã x 151 xã x 11.000.000đ/khẩu	151	11.000.000	1.661.000.000	1.661.000.000		
9	Đạn cao su: 15 viên/khẩu x 151 khẩu x 110.000đ/viên	2265	110.000	249.150.000	249.150.000		
10	Tủ đựng công cụ hỗ trợ: 151 xã x 02 chiếc/xã x 12.000.000đ/chiếc	302	12.000.000	3.624.000.000	3.624.000.000		
VII	Chi cho công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ. Thời gian tập huấn, bồi dưỡng quy định tại Khoản 3, Điều 3; Phân cấp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng quy định tại Điều 4 Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.			22.839.488.000	6.546.708.000	16.292.780.000	
1	Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng 97 Ban CHQS cơ quan, tổ chức các Sở, ban ngành trực thuộc cấp tỉnh (Bao gồm tập huấn và bồi dưỡng hàng năm; Tổ chức thành 02 lớp/năm). Quân số: 194đ/c. Thời gian: 14 ngày (07 ngày tập huấn; 07 ngày bồi dưỡng)			1.089.900.000	1.089.900.000		
-	Hỗ trợ nước uống cho học viên: 194đ/c x 40.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 5 năm			543.200.000	543.200.000		
-	Phô tô tài liệu: 194đ/c x 60.000đ/người/năm x 5 năm			58.200.000	58.200.000		
-	Tiền giáo viên: 08 giờ/ngày x 175.000đ/giờ x 14 ngày/năm x 02 lớp x 5 năm			196.000.000	196.000.000		
-	Văn Phòng phẩm: 50.000đ/người/năm x 194đ/c x 5 năm			48.500.000	48.500.000		
-	Điện, nước, phục vụ hội trường: 14 ngày/năm x 800.000đ/ngày x 02 lớp x 5 năm			112.000.000	112.000.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Chi phục vụ khai, bế lớp học: 2.000.000đ/lớp/năm 02 lớp x 5 năm			20.000.000	20.000.000		
	Chi trông xe cho học viên: 02đ/c x 14 ngày/năm x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			56.000.000	56.000.000		
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02đ/c x 14 ngày x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			56.000.000	56.000.000		
2	<i>Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Chính trị viên, Chính trị viên phó 97 Ban CHQS cơ quan, tổ chức các Sở, ban ngành trực thuộc cấp tỉnh (Bao gồm tập huấn và bồi dưỡng hàng năm; Tổ chức thành 02 lớp/năm). Quân số: 194đ/c. Thời gian: 14 ngày (07 ngày tập huấn; 07 ngày bồi dưỡng)</i>			1.033.900.000	1.033.900.000		
-	Hỗ trợ nước uống cho học viên: 194đ/c x 40.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 5 năm			543.200.000	543.200.000		
-	Phô tô tài liệu: 194đ/c x 60.000đ/người/năm x 5 năm			58.200.000	58.200.000		
-	Tiền giáo viên: 08 giờ/ngày x 175.000đ/giờ x 14 ngày/năm x 02 lớp x 5 năm			196.000.000	196.000.000		
-	Văn Phòng phẩm: 50.000đ/người/năm x 194đ/c x 5 năm			48.500.000	48.500.000		
-	Điện, nước, phục vụ hội trường: 14 ngày/năm x 800.000đ/ngày x 5 năm			112.000.000	112.000.000		
-	Chi phục vụ khai, bế lớp học: 2.000.000đ/lớp/năm 02 lớp x 5 năm			20.000.000	20.000.000		
-	Trông xe của học viên: 02đ/c x 14 ngày/năm x 200.000đ/người/ngày x 02 lớp x 5 năm			28.000.000	28.000.000		
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02đ/c x 14 ngày x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			28.000.000	28.000.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
3	<i>Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban CHQS xã, phường, thị trấn (151 xã, phường, thị trấn x 02đ/c = 302đ/c. Tổ chức thành 04 lớp/năm). Thời gian: 14 ngày (07 ngày tập huấn; 07 ngày bồi dưỡng)</i>			1.451.700.000	1.451.700.000		
-	Hỗ trợ nước uống cho học viên: 302đ/c x 40.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 5 năm			845.600.000	845.600.000		
-	Phô tô tài liệu: 302đ/c x 60.000đ/người/năm x 5 năm			90.600.000	90.600.000		
-	Tiền giáo viên: 08 giờ/ngày x 175.000đ/giờ x 14 ngày/năm x 02 lớp x 5 năm			196.000.000	196.000.000		
-	Văn Phòng phẩm: 50.000đ/người/năm x 302đ/c x 5 năm			75.500.000	75.500.000		
-	Điện, nước, phục vụ hội trường: 14 ngày/năm x 800.000đ/ngày x 02 lớp x 5 năm			112.000.000	112.000.000		
-	Chi phục vụ khai, bế lớp học: 2.000.000đ/lớp/năm x 02 lớp x 5 năm			20.000.000	20.000.000		
-	Trông xe của học viên: 02đ/c x 14 ngày/năm x 200.000đ/người/ngày x 02 lớp x 5 năm			56.000.000	56.000.000		
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02đ/c x 14 ngày x 200.000đ/người/ngày x 02 lớp x 5 năm			56.000.000	56.000.000		
4	<i>Tập huấn cán bộ Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, phường, thị trấn (151 xã, phường, thị trấn. Tổ chức thành 02 lớp/năm). Thời gian: 14 ngày (07 ngày tập huấn; 07 ngày bồi dưỡng)</i>			735.850.000	735.850.000		
-	Hỗ trợ nước uống cho học viên: 151đ/c x 40.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 5 năm			422.800.000	422.800.000		
-	Phô tô tài liệu: 151đ/c x 60.000đ/người/năm x 5 năm			45.300.000	45.300.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Tiền giáo viên: 08 giờ/ngày x 175.000đ/giờ x 14 ngày/năm x 5 năm			98.000.000	98.000.000		
-	Văn Phòng phẩm: 50.000đ/người/năm x 151đ/c x 5 năm			37.750.000	37.750.000		
-	Điện, nước, phục vụ hội trường: 14 ngày/năm x 800.000đ/ngày x 5 năm			56.000.000	56.000.000		
-	Chi phục vụ khai, bế lớp học: 2.000.000đ/lớp/năm x 02 lớp x 5 năm			20.000.000	20.000.000		
-	Trông xe của học viên: 02đ/c x 14 ngày/năm x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			28.000.000	28.000.000		
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02đ/c x 14 ngày x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			28.000.000	28.000.000		
5	Tập huấn cán bộ Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, phường, thị trấn (151 xã, phường, thị trấn. Tổ chức thành 02 lớp/năm). Thời gian: 14 ngày (07 ngày tập huấn; 07 ngày bồi dưỡng)			1.391.190.000	1.391.190.000		
-	Hỗ trợ tiền ăn học viên: 151đ/c x 62.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 5 năm			655.340.000	655.340.000		
	Hỗ trợ nước uống cho học viên: 151đ/c x 40.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 5 năm			422.800.000	422.800.000		
-	Phô tô tài liệu: 151đ/c x 60.000đ/người/năm x 5 năm			45.300.000	45.300.000		
-	Tiền giáo viên: 08 giờ/ngày x 175.000đ/giờ x 14 ngày/năm x 02 lớp x 5 năm			98.000.000	98.000.000		
-	Văn Phòng phẩm: 50.000đ/người/năm x 151đ/c x 5 năm			37.750.000	37.750.000		
-	Điện, nước, phục vụ hội trường: 14 ngày/năm x 800.000đ/ngày x 02 lớp x 5 năm			56.000.000	56.000.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Chi phục vụ khai, bế lớp học: 2.000.000đ/lớp/năm 02 lớp x 5 năm			20.000.000	20.000.000		
-	Trông xe của học viên: 02đ/c x 14 ngày/năm x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			28.000.000	28.000.000		
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02đ/c x 14 ngày x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			28.000.000	28.000.000		
6	Tập huấn cán bộ Trung đội Dân quân Bộ binh; Thôn đội trưởng. Tổng số: 1.643đ/c (1.482 thôn bản; 161đ/c Trung đội trưởng DQ cơ động). Thời gian: 10 ngày (05 ngày huấn luyện; 05 ngày bồi dưỡng. 02 lớp/huyện = 20 lớp/năm			16.292.780.000		16.292.780.000	
-	Hỗ trợ ăn thường xuyên: 1.643đ/c x 62.000đ/người/ngày x 10 ngày/năm x 5 năm			5.093.300.000		5.093.300.000	
-	Hỗ trợ ngày công: 1.643đ/c x 119.200đ/người/ngày x 10 ngày/năm x 5 năm			9.792.280.000		9.792.280.000	
-	Văn phòng phẩm: 30.000đ/người/năm x 1.643đ/c x 5 năm			246.450.000		246.450.000	
-	Điện, nước, trông xe: 10 ngày/lớp/năm x 20 lớp x 300.000đ/ngày x 5 năm			300.000.000		300.000.000	
-	Chi phục vụ khai, bế giảng: 20 lớp/năm x 1.500.000đ/lớp/năm x 5 năm			150.000.000		150.000.000	
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02 đ/c x 10 ngày x 20 lớp x 150.000đ/người/ngày x 5 năm			300.000.000		300.000.000	
-	Hỗ trợ tiền tàu xe đi, về: 1.643đ x 50.000đ/năm x 5 năm			410.750.000		410.750.000	
7	Tập huấn cán bộ Đại đội, Trung đội DQTV Phòng không, Pháo binh. Tổng số: 52đ/c. Tổ chức thành 02 lớp/năm. Thời gian: 14 ngày (07 ngày tập huấn; 07 ngày bồi dưỡng)			844.168.000	844.168.000		
-	Hỗ trợ ăn thường xuyên: 52đ/c x 62.000đ/người/ngày x 14 ngày/năm x 02 lần x 5 năm			225.680.000	225.680.000		

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Hỗ trợ ngày công: 52đ/c x 119.200đ/người/ngày x 10 ngày/năm x 02 lần x 5 năm			433.888.000	433.888.000		
-	Phô tô tài liệu: 52đ/c x 60.000đ/người x 5 năm			15.600.000	15.600.000		
-	Văn phòng phẩm: 50.000đ/người/năm x 52đ/c x 5 năm			13.000.000	13.000.000		
-	Điện, nước, phục vụ hội trường: 14 ngày/lớp/năm x 800.000đ/ngày x 02 lớp x 5 năm			56.000.000	56.000.000		
-	Chi phục vụ khai, bế giảng: 2.000.000đ/lớp/năm x 02 lớp x 5 năm			20.000.000	20.000.000		
-	Chi cho cán bộ quản lý lớp học: 02 đ/c x 14 ngày x 200.000đ/người/ngày x 5 năm			28.000.000	28.000.000		
-	Hỗ trợ tiền tàu xe đi, về: 52đ x 100.000đ/năm x 02 lượt x 5 năm			52.000.000	52.000.000		
VIII	Chi cho công tác huấn luyện chiến sĩ Dân quân. Thời gian huấn luyện tại Khoản 1 Điều 28 Luật Dân quân tự vệ; chương trình, phân cấp huấn luyện được quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020; Hỗ trợ ngày công quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 78/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng.			175.347.844.000	11.325.000.000	85.305.336.000	78.717.508.000
I	Chiến sĩ mới. Tính hàng năm = 25% tổng số 12.698 DQ toàn tỉnh = 3.160.đ/c. Thời gian huấn luyện theo Luật DQTV: 15 ngày/năm.			42.944.400.000		42.944.400.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn: 3.160đ/c x 62.000đ/người/ngày x 15 ngày x 5 năm			14.694.000.000		14.694.000.000	

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Chi trả ngày công: 3.160đ/c x 119.200đ/người/ngày x 15 ngày x 5 năm			28.250.400.000		28.250.400.000	
2	Chiến sĩ Dân quân cơ động. Tổng số: 4.508đ/c. Thời gian huấn luyện = 12 ngày/năm			49.010.976.000			49.010.976.000
-	Hỗ trợ tiền ăn: 4.508đ/c x 62.000đ/người/ngày x 12 ngày x 5 năm			16.769.760.000			16.769.760.000
-	Chi trả ngày công: 4.508đ/c x 119.200đ/người/ngày x 12 ngày x 5 năm			32.241.216.000			32.241.216.000
3	Chiến sĩ Dân quân tại chỗ. Tổng số: 4.446đ/c. Thời gian huấn luyện = 7 ngày/năm			28.196.532.000			28.196.532.000
-	Hỗ trợ tiền ăn: 4.446đ/c x 62.000đ/người/ngày x 07 ngày x 5 năm			9.647.820.000			9.647.820.000
-	Chi trả ngày công: 4.446đ/c x 119.200đ/người/ngày x 07 ngày x 5 năm			18.548.712.000			18.548.712.000
4	Chiến sĩ DQ bình chủng. Tổng số: 3.688đ/c. Thời gian huấn luyện: 12 ngày/năm			40.095.936.000	-	40.095.936.000	-
-	Hỗ trợ tiền ăn: 3.688đ/c x 62.000đ/người/ngày x 12 ngày x 5 năm			13.719.360.000		13.719.360.000	
-	Chi trả ngày công: 3.688đ/c x 119.200đ/người/ngày x 12 ngày x 5 năm			26.376.576.000		26.376.576.000	
5	Bảo đảm vật chất huấn luyện: 151 xã, phường x 20.000.000đ/xã/năm x 5 năm			15.100.000.000	11.325.000.000	2.265.000.000	1.510.000.000
IX	Chi cho hoạt động và diễn tập của lực lượng Dân quân. Hoạt động của Dân quân tự vệ được quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Diễn tập được quy định tại Điều 9 Thông-tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.			92.581.828.000	34.328.228.000	10.302.040.000	47.951.560.000

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi cho lực lượng Dân quân làm nhiệm vụ giữ gìn ANCT, TTATXH; trực ngày lễ, tết; làm nhiệm vụ khi có tình huống (Cấp huyện huy động trung đội Dân quân cơ động của huyện 16 ngày; cấp tỉnh kiểm tra và huy động dân quân cấp xã 06 ngày; cấp xã huy động trung đội dân quân cơ động của xã 10 ngày). Tổng số: 161 trung đội x 28đ/c = 4.508đ/c.			65.347.968.000	24.505.488.000	4.058.880.000	36.783.600.000
-	Chi trả trợ cấp ngày công lao động: (4.508 đ/c x 16 ngày/năm x 5 năm) = 360.640 ngày công x 119.200đ/người/ngày	360.640	119.200	42.988.288.000	16.120.608.000	2.670.080.000	24.197.600.000
-	Hỗ trợ tiền ăn: (4.508đ/c x 16 ngày/năm x 5 năm) = 360.640 ngày x 62.000đ/người/ngày	360.640	62.000	22.359.680.000	8.384.880.000	1.388.800.000	12.586.000.000
2	Chi bảo đảm diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, cháy rừng cấp huyện: Huy động lực lượng Dân quân cơ động cấp huyện, cấp xã tham gia: 161 trung đội x 28đ/c = 4.508đ/c. Tham gia huấn luyện và phục vụ diễn tập: 07 ngày. Cấp tỉnh huy động 03 ngày, cấp huyện huy động 02 ngày, cấp xã huy động 02 ngày.			6.668.747.200	2.950.548.800	1.661.699.200	2.056.499.200
-	Trợ cấp ngày công lao động: 4.508đ/c x 07 ngày x 119.200đ/người/ngày	31.556	119.200	3.761.475.200	1.612.060.800	1.074.707.200	1.074.707.200
-	Hỗ trợ tiền ăn: 4.508đ/c x 07 ngày x 62.000đ/người/ngày	31.556	62.000	1.956.472.000	838.488.000	558.992.000	558.992.000
-	Hỗ trợ tiền tàu, xe: 4.508đ/c x 100.000đ	4.508	100.000	450.800.000		28.000.000	422.800.000
-	Vật chất bảo đảm diễn tập: 50.000.000đ/đơn vị	10	50.000.000	500.000.000	500.000.000		
3	Chi bảo đảm diễn tập chiến đấu phòng thủ: Trong nhiệm kỳ 100% cấp xã tổ chức diễn tập; huy động 100% lực lượng Dân quân tham gia = 12.642 đ/c. Thời gian: 07 ngày. Cấp tỉnh huy động 03 ngày, cấp huyện huy động 02 ngày, cấp xã huy động 02 ngày.			20.565.112.800	6.872.191.200	4.581.460.800	9.111.460.800
-	Trợ cấp ngày công lao động: 12.642đ/c x 07 ngày x 119.200đ/người/ngày	88.494	119.200	10.548.484.800	4.520.779.200	3.013.852.800	3.013.852.800

TT	Khoản mục chi	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	Phân cấp chi		
					Tỉnh	Huyện	Xã
-	Hỗ trợ tiền ăn: 12.642đ/c x 07 ngày x 62.000đ/người/ngày	88.494	62.000	5.486.628.000	2.351.412.000	1.567.608.000	1.567.608.000
-	Vật chất bảo đảm diễn tập: 30.000.000đ/đơn vị	151	30.000.000	4.530.000.000			4.530.000.000
	Tổng cộng:			507.921.134.000	141.480.456.000	124.432.248.000	242.008.430.000